TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn S, sinh năm 1979; Vắng mặt lần thứ hai.

HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Ngô Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N (nay là xã H), huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình, anh S thường xuyên uống rượu, mỗi lần say về lại đánh chửi chị. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nhiều lần, nhưng do thương con nên chị đã về sống cùng anh S. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn anh S lại chứng nào tật nấy, thường xuyên uống rượu về chửi bới đánh chửi chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh S.

Về quan hệ con chung: Chị và anh S có hai con chung là Ngô Hải N1, sinh ngày 22/11/2001 và Ngô Tuấn H, sinh ngày 14/5/2009. Hiện nay con chung Ngô Hải N1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung là Ngô Tuấn H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu Anh Ngô Văn S phải cấp dưỡng cho con.

Hiện nay, chị đang làm công nhân tại công ty Sao Đỏ thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000đồng – 10.000.000 đồng/tháng nên hoàn toàn đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con một cách tốt nhất. Mặt khác, anh S không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên uống rượu chửi bới các con nên ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Ngô Văn S: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh S đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã H cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn S và kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 26/02/2001. Chị N, anh S không phải là người gốc địa phương đến năm 2018 mới chuyển về thôn T, xã H sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm bắt được. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị N, anh S hai con chung là Ngô Hải N1, sinh ngày 22/11/2001 và Ngô Tuấn H, sinh ngày 14/5/2009. Hiện nay con chung Ngô Hải N1 đã thành niên tự lo được cuộc sống của mình. Còn cháu H1 có nguyện vọng được ở cùng chị N. Nên giao con chung là Ngô Tuấn H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vì bản thân chị N có công việc, thu nhập ổn định còn anh S trước đây mở xưởng gỗ nhưng thời gian gần đây không còn làm xưởng gỗ mà làm nghề tự do, thu nhập như thế nào địa phương không nắm được. Địa phương đã tống đạt trực tiếp giấy triệu tập, thông báo của Toà án cho anh S. Địa phương cung cấp để Toà án có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên Tòa: Chị Nguyễn Thị N, anh Ngô Văn S vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S; giao con chung Ngô Tuấn H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu Anh Ngô Văn S phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Ngô Văn S; giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ngô Tuấn H, sinh ngày 14/5/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu anh Ngô Văn S phải

cấp dưỡng cho con; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh S đến làm việc, tham gia phiên họp song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị N đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N (nay là xã H), huyện N nơi sinh sống của chị N, anh S tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp.

[3] Chị N khởi kiện xin ly hôn, anh S biết rõ việc chị N khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại lời khai của chị N, biên bản xác minh ngày 17/02/2022 đều xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S thường xuyên uống rượu say không tu chí làm ăn. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh S là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị N, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N ly hôn anh S.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị N và anh S có hai con chung là Ngô Hải N1, sinh ngày 22/11/2001 và Ngô Tuấn H, sinh ngày 14/5/2009. Do cháu Nam đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 06/5/2022, lời khai của cháu Ngô Tuấn H có nguyện vọng được ở cùng chị N. Căn cứ nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con chung là Ngô Tuấn H cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Ngô Văn S.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ngô Tuấn H, sinh ngày 14/5/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu anh Ngô Văn S phải cấp dưỡng cho con.

Anh Ngô Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000087, ngày 16 tháng 02 năm 2022.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị N, anh Ngô Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long